TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 113/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2026
" V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Văn Mên
2. Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long*:** Ông Trầm Văn Mừng. Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2026, Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/5/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 66/2026/QĐST- HNGĐ ngày 10/6/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh D, sinh ngày 01/7/1998. Địa chỉ: A OS good S.MA 01843 Hoa Kỳ.Tạm trú: Số 2/2b B, xã L, tỉnh An Giang. (xin xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Chị Thạch Thị H, sinh ngày 11/02/1998. Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh D trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2019, do mai mối của người thân nên anh và chị Thạch Thị H tự nguyện cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên cha mẹ ruột anh D khoảng 15 ngày thì trở về nhà cha mẹ chị H sống khoảng 10 ngày, anh D trở về Hoa kỳ sinh sống và anh làm thủ tục để bảo lãnh chị H, hồ sơ anh D làm kéo dài khá lâu nên anh D và chị H xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống dẫn đến lời qua tiếng lại, do vợ chồng không sống chung nhau nên tình cảm dần phai nhạt vì vậy anh D huỷ bỏ hồ sơ bảo lãnh chị H sang Hoa Kỳ khoảng năm 2022 và vợ chồng không còn

liên lạc với nhau. Nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, sống không hạnh phúc, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng nên anh D yêu cầu ly hôn chị Thạch Thị H.

- Về con chung: Không có
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Đối với bị đơn chị Thạch Thị H, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Chị H vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Thanh D xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn, về con chung không có, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Phía bị đơn chị Thạch Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025). Các Điều 51; 53; 56, 57,126, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh D được ly hôn với chị Thạch Thị H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí buộc anh D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa anh D và chị H là tranh chấp về ly hôn; bị đơn cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025);

Tại phiên tòa hôm nay anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D và chị H.

[2] Về hôn nhân: Anh D1 và chị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 01/02/2019 là đúng quy định

pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của anh D1 và chị H là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của anh D1 xin ly hôn chị H, thấy rằng lời khai của anh D1 là sau khi cưới nhau, vợ chồng sống chung được khoảng 25 ngày thì anh về Hoa Kỳ sinh sống và làm thủ tục bảo lãnh chị H để đến sống chung với anh, tuy nhiên thời gian này vợ chồng chỉ liên lạc qua điện thoại với nhau và xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống nên lời qua tiếng lại, tình cảm nhạt phai, anh D1 không bảo lãnh chị H, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, thời gian ly thân anh D1 và chị H không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không gặp nhau để thỏa thuận đoàn tụ, anh D1 trình bày không còn tình cảm với chị H và mỗi người đã có cuộc sống riêng; mặc khác qua xác minh của Tòa án thì mẹ chị H trình bày, không biết mâu thuẫn như thế nào mà anh D1 nộp đơn ly hôn, hiện nay chị H đi làm ở Thành Phố Hồ Chí Minh. Chị H biết việc anh D1 xin ly hôn, nhưng do đi làm nên chị H không về Toà án giải quyết.

Về phía chị H biết việc anh D1 gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long nhưng chị H không đến Tòa án, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét về hôn nhân của anh chị, điều đó chứng minh rằng chị H không còn quan tâm đến cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh D1. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa anh D1 và chị H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh D1 xin ly hôn là tự nguyện có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Anh Duy phải chịu án phí theo quy định.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025);

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 126; 127 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh D được ly hôn với chị Thạch Thị H.
- Về con chung: Không có, nên không xem xét.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Anh Nguyễn Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005688 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh D1 đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- UBND xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh